

Tiết 15

Bài 16. QUAN SÁT HÌNH DẠNG NGOÀI VÀ ĐỜI SỐNG CỦA GIUN ĐẤT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức.

- Mô tả được cấu tạo ngoài và cách di chuyển của giun đất.
- Tìm tòi, quan sát cấu tạo của giun đất như: Sự phân đốt cơ thể, các vòng tơ ở xung quanh mỗi đốt, đai sinh dục, các loại lỗ: miệng, hậu môn, sinh dục đực và cái.

2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
- Năng lực phát hiện vấn đề - Năng lực giao tiếp - Năng lực hợp tác - Năng lực tự học - Năng lực sử dụng CNTT và TT	- Năng lực kiến thức sinh học - Năng lực thực nghiệm - Năng lực nghiên cứu khoa học

3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II NGHIÊN CỨU BÀI HỌC

Mục tiêu Sự phân đốt cơ thể, các vòng tơ ở xung quanh mỗi đốt, đai sinh dục, các loại lỗ: miệng, hậu môn, sinh dục đực và cái.

Hs xác định : Cơ thể dài, thuôn hai đầu.

- Phân đốt, mỗi đốt có vòng cơ (chi bên).
- Chất nhầy -> da trơn.
- Có đai sinh dục và lỗ sinh dục
- Cách di chuyển.

Vì sao khi mưa nhiều, nước ngập úng, giun đất chui lên mặt đất?(hô hấp qua da)

+ Cuộc phải giun đất, thấy có chất lỏng màu đỏ chảy ra, đó là chất gì?

Tại sao có màu đỏ?(máu, màu đỏ máu)

TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO: KHÁM PHÁ VỀ GIUN ĐẤT

1. Kiến thức:

- Biết được đặc điểm hình thái cấu tạo và đặc điểm phân loại của giun đất.
- Thiết kế được bình nuôi cấy giun đất để quan sát tập tính và vai trò của giun đất trong trồng trọt.

2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
- Năng lực phát hiện vấn đề - Năng lực giao tiếp - Năng lực hợp tác - Năng lực tự học - Năng lực sử dụng CNTT và TT	- Năng lực kiến thức sinh học - Năng lực thực nghiệm - Năng lực nghiên cứu khoa học

3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

Từng HS đọc thông tin trong SGK, mạng internet.

III NỘI DUNG GHI BÀI

I. Thu thập thông tin về giun đất:

- Cấu tạo cơ thể giun đất:

- Thức ăn của giun đất:

- Vai trò:

I. Xử lý thông tin về giun đất.

+ Đặc điểm hình thái cấu tạo:

.) Hình thái.

.) Cấu tạo.

.) Đặc điểm phân loại.

+ Điều kiện sống:

.) Ánh sáng, nhiệt độ.

.) Độ ẩm.

+ Nơi phân bố:

.) Loại đất.

.) Điểm thu bắt.

+ Đặc điểm phân loại.

+ Tập tính:

.) Sinh sản.

.) Kiếm ăn.

.) Di chuyển.

III. Lên ý tưởng và hoàn thành sản phẩm.

- Chọn loại hình sản phẩm:
 - + Chất liệu phải bền, chịu lực, trong suốt.
 - + Kích thước phù hợp với số lượng giun định thả.
- Chế tạo bình nuôi cấy:
 - + Vẽ bản thiết kế bình nuôi cấy.
- Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm:
 - + Chuẩn bị vỏ bình (như yêu cầu)
 - + Chuẩn bị đất, lá khô, rơm, rạ, mùn cưa...
 - + Chuẩn bị dao, kéo để gia công bình theo bản thiết kế.
 - + Chuẩn bị 5-7 con giun.

II. Gia công bình nuôi cấy theo bản thiết kế.

- + Làm sạch vỏ bình nuôi cấy, để khô, dùng vật nhọn để tạo lỗ thủng thoát nước.
- + Cho vỏ trấu, đất, lá khô vào bình nuôi cấy (chiếm $\frac{1}{2}$ thể tích bình)
- + Thả giun đất vào bình nuôi cấy qua lỗ thoáng sau đó đặt bình vào chỗ tối.

V. Chăm sóc và quan sát bình nuôi cấy.

- Chăm sóc bình nuôi cấy hằng ngày bằng cách vẩy nước vào bình nuôi cấy.
- Quan sát bình nuôi cấy mỗi khi vẩy nước và ghi chép vào 2 bảng theo dõi (Như trong sách HDTNST).

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN

(Viết nội dung đọc)

Khám phá về giun đất

Người đọc:.....Ngày đọc:.....

Từ khóa	Nội dung đọc liên quan đến từ khóa
Giun đất	
Cấu tạo trong	
Đất	
Tập tính giun đất	

Vai trò	
Biện pháp bảo vệ	

.....
Tiết 16: **ÔN TẬP CHỦ ĐỀ ĐVNS-RUỘT KHOANG
-CÁC NGÀNH GIUN**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức.

- HS được củng cố kiến thức từ chương I đến chương III.

2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
- Năng lực phát hiện vấn đề - Năng lực giao tiếp - Năng lực hợp tác - Năng lực tự học - năng lực sử dụng CNTT	- Năng lực kiến thức sinh học - Năng lực thực nghiệm - Năng lực nghiên cứu khoa học

3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II NGHIÊN CỨU BÀI HỌC

Hs ghi nhớ kiến thức và hoàn thiện những câu hỏi trắc nghiệm

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1. Bệnh do một loài thuộc ngành động vật nguyên sinh sống kí sinh gây ra, làm bệnh nhân rơi vào trạng thái ngủ li bì, lên cơn sốt rét và có tỷ lệ tử vong rất cao. Hãy cho biết bệnh lan truyền qua loài nào sau đây?

- | | |
|---------|-----------------|
| A. Ruồi | C. Muỗi Anophen |
| B. Ong | D. Muỗi vằn |

Câu 2. Nhờ có bộ phận nào mà trùng roi dinh dưỡng tự dưỡng?

- | | |
|---------------------|---------------|
| A. Không bào co bóp | C. Hạt dữ trữ |
| B. Hạt diệp lục | D. Nhân |

Câu 3. Loài nào có phương thức sống khác với các loài còn lại?

- | | |
|--------------------|------------------|
| A. Trùng biến hình | C. Trùng giày |
| B. Trùng roi | D. Trùng sốt rét |

Câu 4. Điểm chung về cách dinh dưỡng của ngành động vật nguyên sinh là:

- A. Tự dưỡng
- B. Tự dưỡng và dị dưỡng
- C. Dị dưỡng
- D. Thức ăn là hồng cầu

Câu 5. Trùng giày di chuyển nhờ bộ phận nào?

- A. Roi
- B. Lông bơi từ miệng tỏa ra
- C. Lông bơi mọc quanh cơ thể
- D. Chân giả

Câu 6. Vòng đời của trùng sốt rét là: (1) Muỗi truyền bệnh đầu tiên ; (2) Người bị nhiễm thứ 2 ; (3) Xuyên nhập vào tế bào máu (hồng cầu) ; (4) Người bị nhiễm đầu tiên ; (5) Xuyên nhập vào tế bào gan ; (6) Muỗi truyền bệnh thứ 2.

Sắp xếp theo đúng thứ tự vòng đời của trùng sốt rét.

- A. (1) -> (4) -> (5) -> (3) -> (6) -> (2)
- B. (1) -> (4) -> (3) -> (5) -> (6) -> (2)
- C. (4) -> (1) -> (5) -> (3) -> (6) -> (2)
- D. (4) -> (1) -> (3) -> (5) -> (6) -> (2)

Câu 7. Muốn phòng bệnh kiết lỵ chúng ta phải:

- A. Uống thuốc phòng bệnh.
- B. Giữ vệ sinh ăn uống
- C. Thường xuyên tắm rửa
- D. Đeo khẩu trang

Câu 8. Trùng roi xanh dinh dưỡng tự dưỡng trong điều kiện môi trường như thế nào?

- A. Nơi có ánh sáng
- B. Có đầy đủ chất dinh dưỡng
- C. Nơi không có ánh sáng
- D. Trong cơ thể vật chủ

Câu 9. Hình thức sinh sản của trùng giày là:

- A. Vô tính
- B. Vô tính và phân đôi
- C. Hữu tính
- D. Vô tính và hữu tính

Câu 10. Trùng biến hình di chuyển và bắt mồi nhờ bộ phận nào?

- A. Roi
- B. Tua miệng
- C. Chân giả
- D. Không bào co bóp

Câu 11. Các đại diện của ngành ruột khoang đều tự vệ và bắt mồi bằng:

- A. Tế bào gai ở tua miệng
- B. Các xúc tu
- C. Chất độc ở đế bám
- D. Tầng keo

Câu 12. Điểm khác biệt giữa sinh sản nảy chồi ở San hô so với Thủy tức là:

- A. Tế bào con không tách rời khỏi cơ thể mẹ
- B. Tế bào con tách rời khỏi cơ thể mẹ
- C. Tế bào con mọc ra từ cơ thể mẹ
- D. Tế bào con sống độc lập với cơ thể mẹ

Câu 13. Đại diện nào của ngành ruột khoang tồn tại song song quá trình tiêu hóa nội bào và tiêu hóa ngoại bào?

- A. San hô
- C. Hải quỳ

B. Thủy tức

D. Sứa

Câu 14. “Co bóp dù, đẩy nước qua lỗ miệng và di chuyển về phía ngược lại.” Đây là cách di chuyển của:

A. San hô

C. Hải quỳ

B. Thủy tức

D. Sứa

Câu 15. Đại diện nào của ngành ruột khoang có vị trí lỗ miệng khác với các đại diện còn lại?

A. San hô

C. Sứa

B. Thủy tức

D. Hải quỳ

Câu 16. Đây là cách di chuyển của thủy tức?

A. Di chuyển kiểu sâu đo và lộn đầu

C. Không di chuyển

B. Co bóp dù

D. Sống cộng sinh, di chuyển nhờ tôm, cua..

Câu 17. Hình thức sinh sản tái sinh chỉ xảy ra ở đại diện nào của ngành ruột khoang mà em đã học?

A. San hô

C. San hô

B. Thủy tức

D. Sứa

Câu 18. Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về hình dạng của thủy tức?

A. Cơ thể có hình trụ dài

C. Cơ thể hình nấm

B. Cơ thể hình cầu

D. Cơ thể hình đĩa lõm hai mặt

Câu 19. Phát biểu nào KHÔNG ĐÚNG khi nói về đặc điểm chung của ngành ruột khoang?

A. Tự vệ và bắt mồi bằng tế bào gai

C. Cơ thể cấu tạo từ 1 tế bào

B. Ruột dạng túi

D. Dinh dưỡng dị dưỡng

Câu 20. Biện pháp hiệu quả nhất để người thợ lặn tránh được ngứa khi gặp sứa là

A. Sát khuẩn tay.

C. Mặc đồ bơi kín, đeo kính và giày cao su.

B. Đeo kem chống nắng.

D. Đeo găng tay và quần khăn.

Câu 21. Các loài sán lá gan, sán lá máu, sán bã trầu, sán dây được xếp vào ngành động vật nào?

A. Ngành giun dẹp

C. Ngành sán

B. Ngành giun tròn

D. Ngành giun đốt

Câu 22. Sán lá gan thường kí sinh ở bộ phận nào của trâu, bò?

A. Ruột

C. Cơ bắp

B. Máu

D. Gan, mật

Câu 23. Nơi kí sinh của sán lá máu là:

A. Trong ruột người

C. Trong cơ bắp trâu bò

B. Trong gan, mật trâu bò

D. Trong máu người

Câu 24. Vật chủ trung gian truyền sán bã trầu là:

- A. Cá
- B. Ốc gạo, ốc mút
- C. Trâu, bò
- D. Gà

Câu 25. Đặc điểm nào KHÔNG ĐÚNG khi nói về các đặc điểm giúp sán lá gan thích nghi với đời sống kí sinh?

- A. Cơ dọc, cơ vòng phát triển
- B. Các giác bám phát triển
- C. Cơ lưng bụng phát triển
- D. Mắt và lông bơi phát triển

Câu 26. Vòng đời của sán lá gan là: (1) ấu trùng lông ; (2) kén sán bám ở cây cỏ, cây thủy sinh ; (3) trứng sán lá gan ; (4) sán trưởng thành trong gan bò ; (5) ấu trùng trong ốc ; (6) ấu trùng có đuôi ; (7) trứng sán theo phân bò ra ngoài môi trường . Sắp xếp theo đúng thứ tự vòng đời của sán lá gan.

- A. (1) -> (3) -> (5) -> (6) -> (4) -> (2) -> (7) C. (1) -> (3) -> (5) -> (6) -> (2) -> (4) -> (7)
B. (3) -> (1) -> (5) -> (6) -> (2) -> (4) -> (7) D. (3) -> (2) -> (5) -> (4) -> (6) -> (1) -> (7)

Câu 27. “Loài này kí sinh trong ruột non người và cơ bắp trâu bò, thân có nhiều đốt, cơ thể dài đến 9m”. Đây là loài nào?

- A. Sán lá gan
- B. Sán dây
- C. Sán bã trầu
- D. Sán lá máu

Câu 28. “Loài này kí sinh trong máu người, cơ thể phân tính nhưng luôn sống thành cặp đôi, con đường xâm nhập vào cơ thể vật chủ là qua da”. Đây là loài nào?

- A. Sán lá gan
- B. Sán dây
- C. Sán bã trầu
- D. Sán lá máu

Câu 29. Trâu, bò nước ta mắc bệnh sán lá gan nhiều do:

- A. thường xuyên vệ sinh chuồng nuôi
- B. thức ăn chăn nuôi chọn lọc kĩ càng
- C. chăn thả tự do trên các đồng ruộng
- D. có biện pháp chăn nuôi khoa học

Câu 30. Trứng sán lá gan muốn nở thành ấu trùng lông thì cần có điều kiện gì?

- A. môi trường nước
- B. môi trường ẩm, độ pH cao
- C. môi trường khô ráo
- D. môi trường axit

Câu 31. Phát biểu nào KHÔNG ĐÚNG khi nói về các biện pháp phòng ngừa bệnh do sán lá gan gây ra?

- A. Ăn chín, uống sôi
- B. Xử lý chất thải gia súc trước
- C. Nên ăn gỏi cá sống vì mới tươi và tốt cho sức khỏe
- D. Rửa tay sạch sẽ trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh khi thải ra môi trường

Câu 32. Điều nào là SAI khi nói về sinh sản của sán lá gan?

- A. sán lá gan lưỡng tính
- C. cơ quan sinh dục cấu tạo dạng ống

B. cơ quan sinh dục phát triển D. sán lá gan đơn tính

Câu 33. Loài nào dưới đây sống kí sinh trong ruột người?

- A. Sán lá gan C. Sán bã trầu
B. Sán dây D. Sán lá máu

Câu 34. Đặc điểm chung nổi bật nhất của ngành giun dẹp là:

- A. có giác bám C. cơ thể dẹp
B. mắt và lông bơi tiêu giảm D. cơ thể lưỡng tính

Câu 35. “Loài này cơ thể dài bằng chiếc đũa, có lớp vỏ cuticun bọc ngoài, thường kí sinh trong ruột non của người”. Đây là loài nào?

- A. giun đốt C. sán dây
B. sán lá gan D. giun đũa

Câu 36. Lớp vỏ cuticun có ý nghĩa gì đối với giun đũa?

- A. làm cơ thể dài và cứng hơn C. giúp giun đũa chống lại kẻ thù
B. giúp cơ thể di chuyển nhanh hơn D. giúp không bị tiêu hóa trong ruột non

Câu 37. Cơ thể ruột khoang có kiểu đối xứng nào?

- A. Đối xứng toả tròn. B. Đối xứng hai bên.
C. Đối xứng lưng – bụng. D. Đối xứng trước – sau.

Câu 38. Đặc điểm ở giun đũa tiến hóa hơn các loài như thủy tức, sứa, sán lá gan...

- A. có 2 lỗ miệng C. có ruột sau và lỗ hậu môn
B. có khoang cơ thể chính thức D. sống kí sinh trong ruột người

Câu 39. Trẻ em nước ta hay bị nhiễm bệnh do giun đũa gây ra, vì:

- A. Rửa tay sạch sẽ trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh C. ăn chín, uống sôi
B. thường xuyên vệ sinh nơi ở D. thói quen đi chân đất, mút tay

Câu 40. Vòng đời của giun đũa là: (1) ấu trùng (trong ruột non) ; (2) vào máu, tim, gan, phổi người, cây thủy sinh ; (3) vào ruột non ; (4) trứng giun ; (5) ấu trùng trong ruột non của người ; (6) giun trưởng thành kí sinh trong ruột non ; (7) trứng giun theo phân người ra ngoài môi trường. Sắp xếp theo đúng thứ tự vòng đời của giun đũa.

- A. (4) -> (1) -> (6) -> (2) -> (3) -> (5) -> (7) C. (4) -> (1) -> (2) -> (3) -> (5) -> (6) -> (7)
B. (4) -> (1) -> (5) -> (2) -> (3) -> (6) -> (7) D. (3) -> (2) -> (5) -> (4) -> (6) -> (1) -> (7)

Câu 41: Uống thuốc tẩy giun đúng cách là

- A. 1 lần/năm B. 2 lần/năm

C. 3 lần/năm

D. 4 lần/năm

Câu 42 : Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành nghĩa câu sau:

Tua miệng thủy tức chứa nhiều.....(1) ..có chức năng(2)

A (1).Tế bào gai ; (2) .tự vệ bắt mồi

B. (1)Tế bào sinh sản ;(2) sinh sản và di chuyển

C (1) Tế bào thần kinh ;(2)di chuyển và tự vệ

D. (1)Tế bào mô cơ tiêu hóa ;(2) tiêu hóa thức ăn

Câu 43: Sấn lá gan làm cho trâu bò

A. Ăn khỏe hơn

B. Lớn nhanh

C. Gầy rạc và chậm lớn

D. Không ảnh hưởng

Câu 44: Loài động vật nào được coi là “trùng sinh bất tử”

A .Gỉun

B.Thủy tức

C.Trùng biến hình

D.Trùng giày

Câu 45: Thủy tức thải chất bã ra khỏi cơ thể qua

A.Màng tế bào

B.Không bào tiêu hóa

C.Tế bào gai

D.Lỗ miệng

Đáp án

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	C	B	D	C	C	A	B	A	D	C	A	A	B	D	C	A	B	A	C	C
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40

Đáp án	A	D	D	B	D	B	B	A	C	A	C	D	B	C	D	D	A	C	D	B
Câu	41	4 2	43	4 4	45															
Đáp án	B	A	C	B	D															

.....
Dặn dò:
Học bài, Chuẩn bị kiểm tra giữa kì I